

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+P11+P10	7:25	6+7+9	0+0+0		4+3+15	0+0+0	
2		P4+BK10+P9	7:25	1+9+12	0+0+0		0+8+14	0+0+0	chuyen 1 p4- bk10
3		CL1+P2+TD5	7:25	2+20+0	0+0+0		0+17+5	0+0+0	chuyen 1cli-p2
4		P6+ TD4 +P10	9:25	1+0+14	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 1 p6- ttc1 (104)
5		P2+TD3+HSD	9:25	20+1+1	0+0+0		15+4+2	0+0+0	
6		P11+BK15+RC4	11:25	13+6+0	0+0+0		14+7+0	0+0+0	chuyen 1 bk15- rc4
7		P9+BK3+BK10	11:25	18+4+0	0+0+0		9+5+7	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P11-5ng, bk10-3ng/

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: BK4 - P11 - P10	CREW: VThắng - M.Đức - Tú	ETA: 09:20
XANH-1			

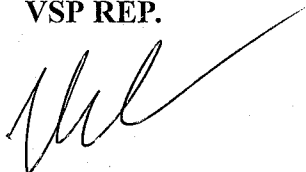
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN SOAI	BK4	84	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN DUNG	BK4	77-78	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH BA HOANG NAM	BK4	83	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ ANH NGỌC	BK4	79	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	BK4	81-82	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	80	1	3		67	PSV	Vietnamese
7	MISHIN A.	P11	40	1	5		90	D-HANH	Russian
8	NGUYỄN ANH TUÂN	P11	39	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
9	TRẦN ĐẶC BÌNH	P11				20	98	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYỄN DUƠNG PHÚC	P11					65	D-HANH	Vietnamese
11	TARGANOV	P11					90	ANTOAN	Russian
12	NGUYỄN DUY HÀ	P11	41	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VIỆT DŨNG	P11	38	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	K LỘC	P10	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HUYNH VŨ	P10	18	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					45	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ DUY KHUÔNG	P10	22	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH KHOA	P10	23	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN BAO LÂM	P10	19	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10				40	82	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN HOÀNG SON	P10	21	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

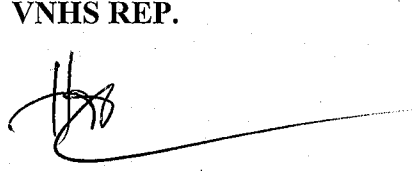
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	6	8	40	449	0	4		
2	P11	7	4	25	551	20	3		
3	P10	9	7	35	618	40	15		
TOTAL		22	19	100	1.618	60	22		
WEIGHT KG				100	1.618	60			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

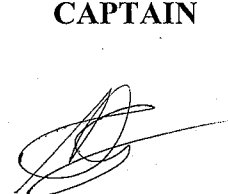
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2023	TO: P4 - BK10 - P9	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Mạnh - Thành	ETA: 09:25
CAM-1			

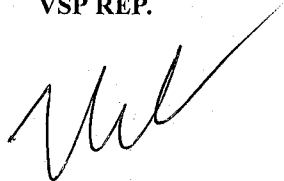
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG HUY	P4	11	1	10		63	KHI	Vietnamese
2	MIKHAILOV E.	BK10	13	1	3	50	88	KH-THAC	Russian
3	VU VAN MANH	BK10					77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN THANH	BK10					68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	07	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10					81	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HOANG GIANG	BK10	56	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHÙNG ANH TUÂN	BK10	11-12	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ TUÂN HUNG	BK10	99	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	98	1	4		71	PSV	Vietnamese
11	VASIANKIN A.	P9	80	1	14	15	117	KH-THAC	Russian
12	IAKIMIDI R.	P9	78	1	15		110	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN MẠNH HUNG	P9	72	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN LINH	P9	77	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	P9	81,99	2	12		75	YTE	Vietnamese
16	TRẦN THANH HAI	P9	76	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ ĐỨC MINH	P9	71	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN DUY	P9	74-75	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI NGOC THÂN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ AN CHUNG	P9	70	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ MINH THUY	P9	73	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT CUƠNG	P9	79	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

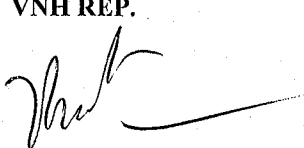
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	1	1	10	63	0	0	1	CHUYEN 1 PAX P4-BK10
2	BK10	9	7	32	668	50	8		
3	P9	12	13	91	953	15	14		
TOTAL		22	21	133	1.684	65	22		
WEIGHT KG				133	1.684	65			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

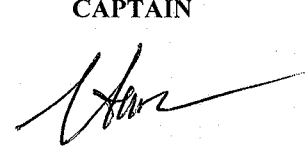
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: CLI - P2 - TD5	CREW: Dương - N.ANH - Q.Trường	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIRSAYAPOV RUSLAN	CLI	75	1	5		104	KH-THAC	Russian
2	SABITOV ALEKSEY	CLI					80	KH-THAC	Russian
3	DƯƠNG TRƯỜNG LÂM	P2	08	1	4	20	70	KHI	Vietnamese
4	HUYNH VĂN THUẬN	P2	20	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐÔNG	P2	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	10	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG HIỆP	P2	07	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CÔNG HUY	P2	13	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THÀNH CÔNG	P2	15	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	14	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG DŨNG	P2	18	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ANH ĐỨC	P2	12	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ĐĂNG TUẤN	P2	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BẢO TOÀN	P2	06	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ THANH LONG	P2	03	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	04-05	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU PHI	P2					74	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẠO QUANG THIẾT	P2	21	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	16	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG ĐỨC LINH	P2	17	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	01-02	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	09	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

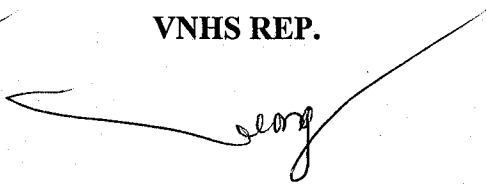
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	2	1	5	184	0	0	1	CHUYEN 1 PAX TU CLI SANG P2
2	P2	20	21	126	1.385	20	17		
3	TD5	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	22	131	1.569	20	22		
WEIGHT KG				131	1.569	20			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: P6 - TD1 - P10	CREW: VThắng - M.Đức - Tú	ETA: 11:40
XANH-2			

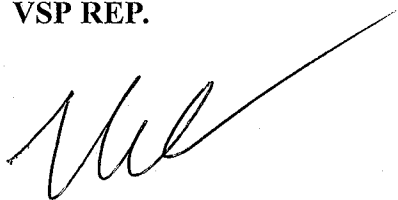
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUANG HÙNG	P6	82-83	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG MINH TÂN	P10	48	1	5		70	YTE	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC BA	P10					72	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ BẢO TRUNG	P10	49	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC THANH	P10	40	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH HOANG	P10	46	1	5	27	70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	41	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	39	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	44	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	36	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ CHÍ HIẾU	P10	37	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	42	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY HOANG	P10	43	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN LỢI	P10	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	1	2	10	70	0	1	1	CHUYEN 1 PAX P6-TD1
2	TD1	0	0	0	0	0	0		
3	P10	14	13	71	1.024	27	21		
TOTAL		15	15	81	1.094	27	22		
WEIGHT KG				81	1.094	27			

GRAND TOAL: 1.202 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2023	TO: P2 - TD3 - HSD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - Mạnh - Thành	ETA: 11:45
CAM-2			

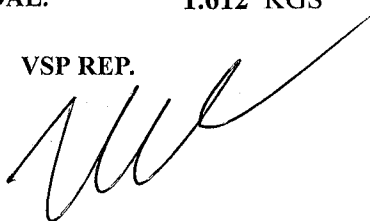
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ VĂN TRUNG	P2	34	1	11		77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG QUY	P2	29	1	11		72	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH THAO	P2	28	1	17		70	DVL	Vietnamese
4	ĐOÀN MINH ĐẠT	P2	30-31	2	19		75	DVL	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN HÙNG	P2	33	1	13		70	DVL	Vietnamese
6	PHAN QUY DUNG	P2	46	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VIỆT HỮU	P2	49	1	10	15	58	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG DANH	P2	39-40	2	13		74	XAYLAP	Vietnamese
9	LA KHẮC HAO	P2	32	1	15		52	XAYLAP	Vietnamese
10	TRỊNH HỮU HIỆU	P2	37-38	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐỨC SINH	P2	47-48	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN MẠNH	P2	41-42	2	19		57	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐÀO TRUNG KIẾN	P2	43	1	14	15	74	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN HUY CƯỜNG	P2	35-36	2	19		53	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN NAM HAI	P2	26	1	6	29	71	T-TIN	Vietnamese
16	PHẠM THANH HÙNG	P2	51	1	3		63	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	27	1	5		52	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC LƯU	P2	45	1	4		73	PSV	Vietnamese
19	ĐO QUỐC VŨ	TD3	36	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
20	ĐO THỂ THANH	HSD	70	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

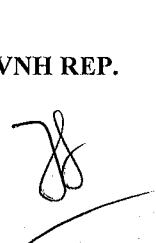
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	24	225	1.185	59	15		
2	TD3	1	1	8	60	0	5		
3	HSD	1	1	3	72	0	2		
TOTAL		20	26	236	1.317	59	22		
WEIGHT KG				236	1.317	59			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

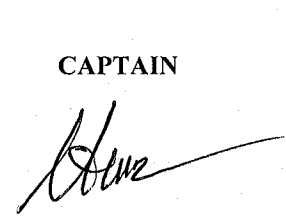
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 06	TO: P11 - BK15 - RC4	CREW: Linh - MTHAO - DTùng	ETA: 14:00
VANG-3			

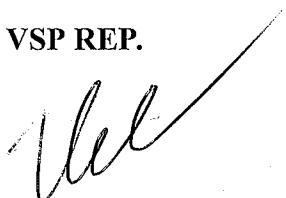
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	900	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	50-51	2	19		100	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	31	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN KIM THẠCH	P11	52-54	3	17		61	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH QUANG	P11	55	1	17		80	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN DUY LONG	P11	48-49	2	18		59	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ THANH HẢI	P11	71	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN CHUÔNG	P11	46	1	11		61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐOÀN ĐỨC	P11	47	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	99	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN ĐOÀN	P11	42	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG HẠNH	P11	43	1	7		72	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐẠU CÔNG SÁU	P11	44	1	5		85	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HÀ	P11	45	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ MINH HIỆN	P11	98	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC HẢI	BK15	90-91	2	20	40	67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	89	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	88	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG KHA	BK15	53	1	11		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH KIẾT	BK15	92	1	15	15	74	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NĂNG	BK15	54	1	5		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

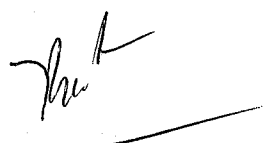
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	15	19	167	1.067	0	14		CHUYEN 1 PAX BK15-RC4
2	BK15	6	7	59	408	55	74		
3	RC4	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	26	226	1.475	55	21		
WEIGHT KG				226	1.475	55			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2023	TO: P9 - BK3 - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPhú - Huy	ETA: 14:05
TRANG-3			

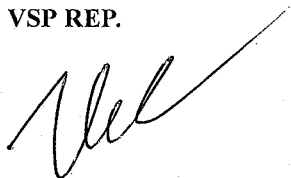
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P9	41	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ĐÌNH THUẬN	P9	39	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN BĂNG	P9	40	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN DŨNG	P9	38	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ SĨ BÌNH	P9	42	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN CỬ	P9					58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN TUNG	P9	94	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HAI	P9	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CAO CHI	P9	96	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ TRƯỞNG KIẾN	P9	51-52	2	19		90	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	P9	49-50	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRƯỞNG SA	P9	46	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THANH TÙNG	P9	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VĂN SỸ	P9	45	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	HA VĂN CÀNH	P9	47-48	2	18		59	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ HÙNG	P9	43	1	10	35	79	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN PHÚ	P9	95	1	5		57	PSV	Vietnamese
18	ĐẠO VĂN ĐỨC	BK3	12	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ XUÂN THỦY	BK3	13	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN CÔNG THANH	BK3	11	1	5	15	76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LINH	BK3	14	1	8		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	17	19	120	1.155	35	9		
2	BK3	4	4	25	282	15	5		
3	BK10	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	23	145	1.437	50	22		
WEIGHT KG				145	1.437	50			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

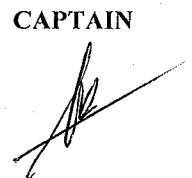
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+CLO+RC5	7:25	7+15+0	0+0+0		0+20+2	0+0+0	chuyen 1 tđ1-clo
2		TD3+P9+CTK3	7:25	6+0+14	0+0+0		4+3+10	0+0+0	
3		BK9+MRM+RP3	9:25	3+17+0	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
4		P8+PVD1	9:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
5		CTC1+CLI+MRM	11:30	1+8+11	0+0+0		0+7+15	0+0+0	
6		PVD1+VSP02	11:30	14+7	0+0		0+22	0+0	
7		PPD+P3+TTC2	13:30	19+1+1	0+0+0		10+5+0	0+0+0	
8		TD1+RP2+VSP02	13:30	22+0+0	0+0+0		11+2+9	0+0+0	

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD1 - CLO - RC5	CREW: VThắng - HTrung - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

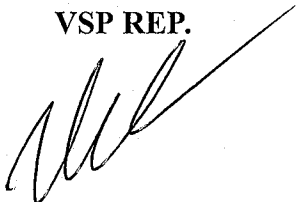
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROZGON ALEKSEI	TD1	66	1	5		90	D-HANH	Russian
2	NGUYỄN NHƯ BẢNG	TD1	59-60	2	8		55	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN DANH QUY	TD1					72	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM MINH THẮNG	TD1	61-62	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
5	BUI VĂN THO	TD1	67	1	13		77	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC HOÀN	TD1	63-64	2	12		85	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU LONG	TD1	65	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	CLO	90	1	6		76	ANTOAN	Vietnamese
9	LÊ ANH TUẤN	CLO	83	1	13	56	63	CODIEN	Vietnamese
10	ĐOÀN VIỆT ĐỒNG	CLO	84	1	16		75	CODIEN	Vietnamese
11	VLASOV ALEKSANDR	CLO	95	1	10		90	KHOAN	Russian
12	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO					80	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN KHANG	CLO	85	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY NAM	CLO	87	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG KIM DƯƠNG	CLO	89	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ VĂN LONG	CLO	92	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN LÝ	CLO	88	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	CLO	86	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
19	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	96-97	2	18		76	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM NAM HẢI	CLO	94	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
21	ĐOÀN HIẾU	CLO	93	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
22	ĐOÀN BỬU TÂM	CLO	91	1	13		104	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	7	9	60	519	0	0		CHUYEN 1 PAX TD1-CLO
2	CLO	15	15	126	1.139	56	20		
3	RC5	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	24	186	1.658	56	22		
WEIGHT KG				186	1.658	56			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

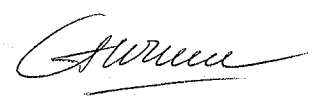
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/07/2023	TO: TD3 - P9 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - DTùng	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN MẠNH CUÔNG	TD3	06	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC HÙNG	TD3	05	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN NAM CUÔNG	TD3	01	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	03	1	4	80	75	KHOAN	Vietnamese
5	NOROV DENIS	TD3	02	1	12	60	85	KHOAN	Russian
6	SEREBROV	TD3	01	1	10		78	VTB	Russian
7	PHẠM MINH TUÂN	CTK3					74	KH-THAC	Vietnamese
8	DŨ TRẦN HÙNG	CTK3	66	1	5	40	78	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VĂN BẮC	CTK3	16	1	3	45	70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH BÌNH	CTK3	77	1	5		82	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	65	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
12	PHẠM THANH NGHĨA	CTK3	19	1	7		85	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRI TÍN	CTK3	14-15	2	8		75	SANBAY	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	22	1	5		62	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY HIỆP	CTK3	77-78	2	7		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HIỆU	CTK3	62	1	4		60	PSV	Vietnamese
17	BUI ĐỨC CHÍNH	CTK3	75-76	2	10		67	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	72,76	2	7		70	PSV	Vietnamese
19	LÊ TUÂN VŨ	CTK3	20,60	2	10		70	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐẶC NHÀ	CTK3	21	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	6	6	41	461	140	4		THAO 01 GHE ĐOI CHO HANG
2	P9	0	0	0	0	0	3		
3	CTK3	14	18	83	998	85	11		
TOTAL		20	24	124	1.459	225	18		
WEIGHT KG				124	1.459	225			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: BK9 - MRM - RP3	CREW: VThắng - HTrung - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

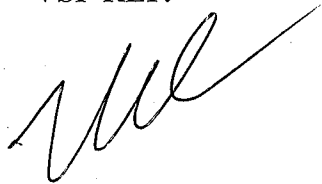
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HIỆP THANH	BK9	30	1	10		82	CO DIEN	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC ĐẠT	BK9	31-32	2	14		64	CODIEN	Vietnamese
3	HÀ MẠNH HOÀNG	BK9	33	1	8	56	75	CODIEN	Vietnamese
4	TIKHONOV EVGENY	MRM	52	1	4	5	104	AMNGR	Russian
5	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	49	1	9		85	AMNGR	Russian
6	GILAEV AZAT	MRM	32-33	2	15		100	AMNGR	Russian
7	DIACHUK DMITRII	MRM	31	1	9		69	AMNGR	Russian
8	NIKOLAEV GENNADY	MRM	39	1	15		79	AMNGR	Russian
9	ZAVGORODNIY IGOR	MRM	3	1	15		70	AMNGR	Russian
10	KONANOV IVAN	MRM	34	1	10		66	AMNGR	Russian
11	RAKHMANOV SERGEI	MRM	40-41	2	12		66	AMNGR	Russian
12	PETEL SERGEI	MRM	38	1	12		90	AMNGR	Russian
13	KICHEV ALEXEY	MRM	36-37	2	10		75	AMNGR	Russian
14	ROIK NIKOLAI	MRM	44	1	13		87	AMNGR	Russian
15	KIRILLOV MAKAR	MRM	42-43	2	15		73	AMNGR	Russian
16	KURSHEV SERGEI	MRM	35	1	12		74	AMNGR	Russian
17	CAO XUAN VINH	MRM	48	1	15		80	PVDW	Vietnamese
18	PHAM HONG MINH	MRM	45	1	16		75	PVDW	Vietnamese
19	HOANG THAI SON	MRM	50-51	2	16		75	PVDINV	Vietnamese
20	NGUYEN DUC NGHIA	MRM	46	1	16	22	74	PVDINV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

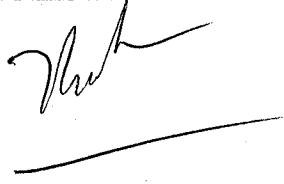
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	3	4	32	221	56	0		
2	MRM	17	22	214	1.342	27	12		
3	RP3	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		20	26	246	1.563	83	22		
WEIGHT KG				246	1.563	83			

GRAND TOAL: 1.892 KGS

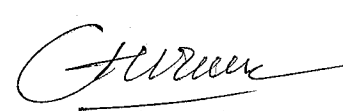
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/07/2023	TO: P8 - PVD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - DTùng	ETA: 11:45
TRANG-2			

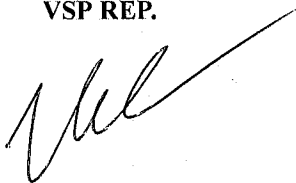
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BA ĐẠT	P8	82-83	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH AN	PVD1	07-08	2	12		60	ABS	Vietnamese
3	MUHAMAD ZAKWAN B ZAINAL ABIDIN	PVD1				25	97	PVD/PETRC	Malaysian
4	VĂN HOANG TUNG	PVD1	11-12	2	10		86	PVD DD	Vietnamese
5	ĐỖ ĐỨC NGỌC	PVD1	28	1	8		74	PVDWS	Vietnamese
6	DƯƠNG MẠNH QUYẾT	PVD1	16	1	15		90	PVDWS	Vietnamese
7	ĐẠO VĂN TÂM	PVD1	04	1	15		66	PVDWS	Vietnamese
8	PHẠM THAI BAO	PVD1	03	1	10		72	PVDWS	Vietnamese
9	HUỲNH VĂN PHU	PVD1	13	1	3		72	PVD DD	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THĂNG	PVD1	15	1	7		72	PVD DD	Vietnamese
11	VŨ VĂN TRỌNG	PVD1	21-22	2	10		67	PVD DD	Vietnamese
12	PHAN NGỌC TỰU	PVD1	19	1	9		58	PVDO	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH TÌNH	PVD1	05	1	7		65	PVDO	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁC LÂM	PVD1	14	1	5		66	PVDO	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC HAI	PVD1	17	1	5		69	PVDO	Vietnamese
16	VŨ VĂN TOÀN	PVD1	06	1	10		60	PVDO	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	PVD1	20	1	4		83	PVDO	Vietnamese
18	MAI MINH TUÂN	PVD1	18	1	6		68	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN BIÊN	PVD1	23-24	2	12		70	PSV	Vietnamese
20	LŨU VĂN LỢI	PVD1				25	72	PVD DD	Vietnamese
21	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	PVD1	02	1	14		95	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẠO VĂN SINH	PVD1	25	1	6		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	1	2	10	70	0	0		
2	PVD1	21	23	168	1.522	50	22		
TOTAL		22	25	178	1.592	50	22		
WEIGHT KG				178	1.592	50			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

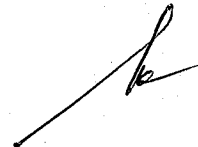
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	TO: CTC1 - CLI - MRM	CREW: HUNG - VLinH - Vũ	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HIỀU	CTC1	40-41	2	15		84	NIPI	Vietnamese
2	TRỊNH VĂN TIỀN	CLI	94	1	10		84	ANTOAN	Vietnamese
3	ĐỖ CÔNG TIỀN	CLI	89-99	2	18		76	ANTOAN	Vietnamese
4	VŨ ANH MINH	CLI	93	1	10	40	78	T-TIN	Vietnamese
5	CAO KINH THAO	CLI	92	1	15		70	T-TIN	Vietnamese
6	VŨ VĂN TIỀN	CLI	700	1	10		67	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC ANH	CLI	95-96	2	15	20	78	PSV	Vietnamese
8	VŨ HUU TRƯỞNG	CLI	97	1	5		68	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG (1989)	CLI	85	1	9		60	PSV	Vietnamese
10	NIKULIN A.	MRM	62	1	17		85	AMNG	Russian
11	BADRETDINOV E. R.	MRM	65	1	10		78	KHOAN	Russian
12	BUI MẠNH PHÚC	MRM	64	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT TRUNG	MRM	58	1	14		83	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ THÈ CÔNG	MRM	57	1	14		73	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM NGOC QUAN	MRM	55	1	5		74	PSV	Vietnamese
16	LE HUU NGHIA	MRM	56	1	9		70	PSV	Vietnamese
17	LE MINH PHÁT	MRM	66-67	2	12		55	PSV	Vietnamese
18	ISAKOV A.	MRM	59	1	10		108	AMNG	Russian
19	KAZACHKOV D.	MRM	63	1	12		110	AMNG	Russian
20	SELIVANOV V.	MRM	60-61	2	10		80	AMNG	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	1	2	15	84	0	0		
2	CLI	8	10	92	581	60	7		
3	MRM	11	13	121	891	0	15		
TOTAL		20	25	228	1.556	60	22		
WEIGHT KG				228	1.556	60			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

PC đã lấy đủ manifest.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/07/2023	TO: PVD1 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - HIẾU	ETA: 14:05
CAM-3			

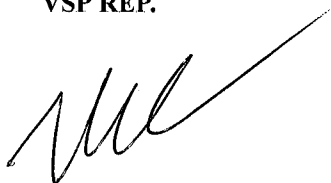
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN GIN	PVD1	37	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN MINH HOÀ	PVD1	30-31	2	16		66	PVD/HALL	Vietnamese
3	VÕ KHÁC NAM	PVD1	32	1	4		68	PVDO	Vietnamese
4	BUI QUỐC GIA	PVD1	40	1	3		74	PVDO	Vietnamese
5	BUI SỸ TRƯỜNG	PVD1	33	1	8		61	PVDO	Vietnamese
6	ĐINH VĂN NINH	PVD1	29	1	4		57	PVDO	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC DUNG	PVD1	45-46	2	12		83	PVD DD	Vietnamese
8	TRẦN VĂN DƯƠNG	PVD1	47	1	8		70	PVD TECH	Vietnamese
9	LÊ SỸ NGUYỄN	PVD1	48	1	7		67	PVD TECH	Vietnamese
10	PHAN XUÂN HỒNG	PVD1	43-44	2	12		70	PVD TECH	Vietnamese
11	ĐÀU HOANG LONG	PVD1	41-42	2	8		71	PVD DD	Vietnamese
12	TRƯƠNG THIÊN TRUNG	PVD1	34-35	2	16		95	PVD INVE\$	Vietnamese
13	NGUYỄN TÂN THANH	PVD1	38-39	2	16		71	PVD INVE\$	Vietnamese
14	NGUYỄN CANH HUNG	PVD1	36	1	9		64	PVD INVE\$	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY THÂN	VSP02	62-63	2	13		66	CODIEN	Vietnamese
16	ĐO VĂN TUÂN	VSP02	58	1	8		76	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HOANG	VSP02	61	1	10		69	CODIEN	Vietnamese
18	PHẠM DUY HUNG	VSP02	59-60	2	17		66	CODIEN	Vietnamese
19	VUÔNG ĐỨC HUY	VSP02	55	1	9	14	98	PSV	Vietnamese
20	VUÔNG XUÂN TRI	VSP02	64-65	2	7		64	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TUÂN	VSP02	56	1	10		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	14	20	128	985	0	0		
2	VSP02	7	10	74	518	14	22		
TOTAL		21	30	202	1.503	14	22		
WEIGHT KG				202	1.503	14			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

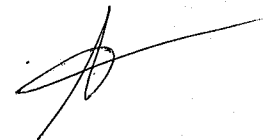
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 07	TO: PPD - P3 - TTC2	CREW: HUNG - VLinH - Vũ	ETA: 16:20
TIM-4			

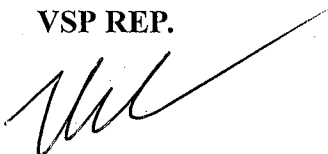
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ THANH TUÂN	PPD	75-76	2	10	50	75	KHI	Vietnamese
2	TRUONG TAN LOI	PPD	81	1	15	10	80	XAYLAP	Vietnamese
3	VU QUỐC VƯƠNG	PPD	82	1	7		76	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT LỘC	PPD	92-93	2	14		67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG QUÂN	PPD	98	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN MANH TUNG	PPD	83	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
7	VU THẾ LIÊN	PPD	78	1	5		67	PSV	Vietnamese
8	BUI THANH TUNG	PPD	96-97	2	11		66	PSV	Vietnamese
9	PHẠM VĂN GIANG	PPD	99	1	8		64	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH ĐÔNG	PPD	95	1	4		46	PSV	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	79	1	8		67	PSV	Vietnamese
12	PHẠM VIỆT HOÀNG	PPD	77	1	3		56	PSV	Vietnamese
13	LÊ TRẦN MINH KHÁNH	PPD	500	1	6		60	PSV	Vietnamese
14	PHAN NGOC AN	PPD	73-74	2	7		72	CODIEN	Vietnamese
15	TRAN MANH CUONG	PPD	89	1	15	10	75	CODIEN	Vietnamese
16	TRAN SON TUNG	PPD	91	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN CONG PHUONG	PPD	84-85	2	10		66	CODIEN	Vietnamese
18	DANG SU	PPD	87-88	2	15	10	75	CODIEN	Vietnamese
19	TRAN VAN HUNG	PPD	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HAI TRUNG	P3	81	1	5	7	70	PSV	Vietnamese
21	LÊ HỮU NGHĨA	TTC2	18	1	12	33	57	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

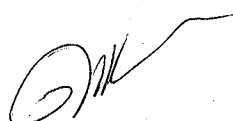
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	25	175	1.305	80	10		
2	P3	1	1	5	70	7	5		
3	TTC2	1	1	12	57	33	0		
TOTAL		21	27	192	1.432	120	15		
WEIGHT KG				192	1.432	120			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

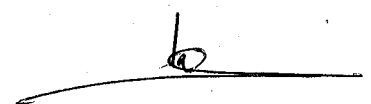
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/07/2023	TO: TD1 - RP2 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - HIẾU	ETA: 16:25
HONG - 4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	64-65	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VĂN MINH	TD1	56-57	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
3	MAI ANH TUÂN	TD1	66	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	58	1	5		91	KHOAN	Vietnamese
5	BUI VĂN NINH	TD1	74	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN SANG	TD1	62-63	2	11		63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG KIEN	TD1	69	1	10	17	73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN HAI LAM	TD1	75	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN KHUU	TD1	57	1	11		62	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN MẠNH	TD1	59	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ DUY NGỌC	TD1	58	1	13		61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU LUAN	TD1	54-55	2	11		73	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN PHI HUNG	TD1	67-68	2	17		86	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ XUÂN THĂNG	TD1	60-61	2	20		83	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN THANH TAI	TD1	50	1	8		54	DVL	Vietnamese
16	TRẦN ĐẠI HUNG	TD1	53	1	13		72	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TIEN	TD1	52	1	10		70	DVL	Vietnamese
18	NGÔ TRI HOANG	TD1	51	1	9		61	DVL	Vietnamese
19	VÔ HỮU TÂN	TD1	49	1	10	50	81	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	72-73	2	12		70	PSV	Vietnamese
21	PHAN THANH NAM	TD1	76	1	10		73	PSV	Vietnamese
22	LE DUY CUONG	TD1	77	1	7		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	29	236	1.548	67	11		
2	RP2	0	0	0	0	0	2		
3	VSP02	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	29	236	1.548	67	22		
WEIGHT KG				236	1.548	67			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

